

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/DS-ST

Ngày 26-3-2025

*V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Vũ Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phan Văn Tư và ông Lê Bá Hợp

- Thư ký phiên tòa: bà Đoàn Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc R'lấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc R'lấp tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc R'lấp, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Minh V, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông – vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Lê Thị S, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông; là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 27/02/2025) – có mặt.

2. *Bị đơn:*

- Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ dân phố F, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông – vắng mặt (có đơn đề nghị vắng mặt).

- Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ dân phố F, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông – có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* bà Lê Thị S, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/12/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn (bà Lê Thị S) trình bày: Ông Huỳnh Minh V và ông Nguyễn Minh H là đồng nghiệp, từ mối quan hệ quen biết này vợ chồng ông H, bà T (khi chưa ly hôn) đã nhiều lần vay tiền của vợ chồng ông V. Hiện nay, ông H và bà T còn khoản nợ chưa thanh toán, cụ thể: Ngày 07/8/2023, ông V cho bà T vay 150.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản qua số tài khoản đứng tên bà T; thời hạn vay là 04 tháng, trả vào tháng 12/2023 với lãi suất vay là 1,6%/tháng; thỏa thuận vay tiền và chuyển tiền do ông V và bà T trao đổi và thực hiện với nhau, thời điểm vay tiền ông H và bà T chưa ly hôn. Ngày 02/10/2023, bà T đã chuyển trả được 50.000.000 đồng, trong đó 45.000.000 đồng tiền gốc và 5.000.000 đồng tiền lãi. Từ ngày 02/10/2023 đến nay ông H, bà T chưa trả khoản nợ còn lại và đã thực hiện thủ tục ly hôn. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H, bà T phải trả cho nguyên đơn 105.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất là 1,60%/tháng tính từ ngày 07/8/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ. Do hai bên chưa thống nhất khoản tiền 50.000.000 đồng bà T đã chuyển trả được trừ vào tiền gốc hay tiền lãi nên nguyên đơn thống nhất trừ vào tiền gốc và yêu cầu bị đơn phải trả 100.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi từ ngày 07/8/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ với mức lãi suất là 0,83%/tháng (tương ứng với mức lãi suất 10%/năm). Nguyên đơn cho rằng khoản nợ là nợ chung của bà T và ông H vì thời điểm vay tiền vợ chồng bị đơn chưa ly hôn, trước khi vay bà T đã thống nhất với ông H; khi nguyên đơn nhắn tin qua Zalo đòi nợ thì ông H có nhắn tin hẹn khi nào bán đất sẽ trả trước 100 triệu và hẹn ngày 07/10 sẽ trả lãi. Ông H cho rằng nội dung nhắn tin là về khoản nợ 300.000.000 đồng cho vay trước đó là không đúng vì khoản nợ này ông H, bà T đã thanh toán xong ngày 19/7/2023.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là bà Trần Thị Thanh T trình bày: Ông H là chồng cũ bà T do ông bà đã ly hôn từ tháng 02/2024, còn ông V là đồng nghiệp với ông H. Về khoản vay ông V 150.000.000 đồng ngày 07/8/2023 thì bà T công nhận là có và bà T là người nhận tiền do ông V chuyển khoản. Trước khi vay tiền bà T có trao đổi với ông H là vay tiền ông V để trả nợ và xử lý công việc gia đình của hai vợ chồng; nội dung thỏa thuận vay tiền, nhận tiền và trả một phần tiền sau đó do bà T là người thực hiện; thời hạn vay khoảng 03 – 04 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng là 4%/tháng (tương ứng 6.000.000 đồng/tháng). Sau khi nhận tiền từ ông V thì bà T đã trả các khoản tiền lãi mà bà T và ông H đã vay Ngân hàng, vay người dân bên ngoài và chi tiêu sinh hoạt gia đình. Ngày 02/10/2023, bà T chuyển trả cho ông V 50.000.000 đồng nhưng chưa thống nhất với ông V là trừ vào tiền gốc hay tiền lãi, số nợ còn lại bà T chưa trả.

Ông V khởi kiện yêu cầu trả tiền gốc và tiền lãi phát sinh thì bà T đồng ý và yêu cầu ông H có trách nhiệm cùng với bà T trả nợ vì đó là khoản nợ chung của vợ chồng trước khi ly hôn. Do khi trả 50.000.000 đồng bà T không ghi rõ nội dung trả tiền gốc hay tiền lãi nên bà T đồng ý trừ vào tiền lãi trước, số tiền còn lại trừ vào tiền gốc; lãi suất các bên thỏa thuận 4%/tháng là vượt quá mức lãi suất pháp luật cho phép nên bà T đề nghị Tòa án xác định theo quy định của pháp luật. Tại biên bản đối chất ngày 27/02/2025 ông H cho rằng nội dung tin nhắn Zalo giữa ông H và ông V là về khoản nợ 300.000.000 đồng là không đúng, bà T đã trả khoản nợ này ngày 19/7/2023; nội dung tin nhắn giữa ông H và ông V là về khoản nợ đối với khoản nợ 150.000.000 đồng ngày 07/8/2023.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là ông Nguyễn Minh H trình bày: Ông H công nhận khoản nợ 150.000.000 đồng ngày 07/8/2023 bà T vay ông V là khi ông bà chưa ly hôn; nhưng ông H cho rằng đó là khoản nợ riêng của bà T vì khi vay ông H không biết và không tham gia, sau khi ông V đòi nợ thì ông H mới biết; về nội dung tin nhắn khoản nợ thì ông H cho rằng đó là nội dung trao đổi giữa ông H và ông V về khoản nợ 300.000.000 đồng bà T đã vay trước đó cho người chị nhưng sau đó bà T không đưa tiền nên ông V mới nhận trách nhiệm và hẹn trả; không phải là nội dung trao đổi về khoản nợ 150.000.000 đồng ông V cho bà T vay ngày 07/8/2023. Khi chưa ly hôn bà T không nói với ông H về khoản nợ ngày 07/8/2023; ông H cũng không hỏi vay ông V, không trao đổi hay ký tên trong bất kỳ văn bản nào về khoản vay này. Bà T cho rằng đây là khoản nợ chung của vợ chồng khi chưa ly hôn vay để trả cho các khoản nợ tiền mua đất, lãi ngân hàng và sinh hoạt gia đình của vợ chồng là không đúng vì ông H không được biết khi bà T vay; khoản tiền mua đất là do ông H vay ngân hàng để mua, ông H không vay mượn của ông V hay để bà T đứng tên vay. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông V đối với ông H về khoản nợ gốc và tiền lãi phát sinh thì ông không đồng ý, đó là nghĩa vụ riêng của bà T đối với ông V. Tiền trả lãi nợ ngân hàng, trả nợ bên ngoài mà hai vợ chồng đứng tên vay và tiền chi tiêu hàng ngày của gia đình đều chi trả từ tiền lương do ông H đưa cho bà T, tiền bà T buôn bán. Khoản nợ ông H vay Ngân hàng để mua đất có thể chấp bằng tài sản riêng của ông H nên ông có trách nhiệm trả, bà T vay ai mà không có chữ ký hoặc được sự đồng ý của ông H thì đó là khoản nợ riêng của bà T.

Kiểm sát quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án là đúng theo quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ các quyền và

nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về giải quyết yêu cầu của đương sự: Khoản nợ 150.000.000 đồng bà T vay ông V ngày 07/8/2023 khi ông H và bà T chưa ly hôn, khi ông V nhắn tin đòi nợ thì ông H có nhắn tin khất nợ; bà T khai khoản vay để trả lãi và nợ chung của ông H và bà T, để chi tiêu sinh hoạt gia đình. Vì vậy, đây là khoản nợ chung của ông H và bà T đối với ông V. Khoản nợ còn lại chưa trả theo xác nhận của nguyên đơn và bà T là 100.000.000 đồng nên ông H, bà T có trách nhiệm liên đới trả tiền gốc và tiền lãi phát sinh cho ông V. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả khoản nợ đã vay nên quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", là một loại của hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn cư trú tại Tổ dân phố F, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Bị đơn bà Trần Thị Thanh T đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét hợp đồng vay tài sản giữa ông Huỳnh Minh V và bà Trần Thị Thanh T thấy: Ngày 07/8/2023, ông V chuyển khoản cho bà T vay 150.000.000 đồng vào tài khoản đăng ký tên bà T; nội dung chuyển khoản không thể hiện thời hạn vay và lãi suất; bà T đã chuyển trả được 50.000.000 đồng nên hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn là có trên thực tế, bà T và ông V đều thừa nhận thời hạn vay là 03 đến 04 tháng nên là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà T cho rằng lãi suất vay là 4%/tháng nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh và cũng chưa thanh toán lãi; ông V cho rằng lãi suất cho vay là 1,6%/tháng nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh. Vì vậy, lãi suất các bên thỏa thuận thuộc trường hợp không xác định rõ và có tranh chấp.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy: Theo thỏa thuận giữa nguyên đơn (ông V) và bị đơn (bà T) thì thời hạn vay tiền là 03 đến 04 tháng kể

từ ngày vay (07/8/2023). Đã quá thời hạn nhưng bị đơn chưa trả nên có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi còn lại theo thỏa thuận và theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về số nợ gốc từ 105.000.000 đồng còn 100.000.000 đồng là trong phạm vi khởi kiện nên được chấp nhận.

Lãi suất các bên thỏa thuận thuộc trường hợp không xác định rõ và có tranh chấp nên được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với mức lãi suất là 10%/năm. Nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Tiền lãi bị đơn phải chịu đối với 100.000.000 đồng tính từ ngày 07/8/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 16.295.667 đồng (100.000.000 đồng x 0,83% x 19 tháng 19 ngày). Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu số tiền lãi tính tròn là 16.000.000 đồng là trong phạm vi yêu cầu khởi kiện. Vì vậy, bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tổng cộng là 116.000.000 đồng.

[5]. Xét về nghĩa vụ trả nợ và quan điểm của ông Nguyễn Minh H thấy: ông H cho rằng khoản nợ ngày 07/8/2023 là khoản vay riêng của bà T nhưng tại thời điểm bà T vay tiền thì ông H và bà T chưa ly hôn; sau khi ông V nhắn tin đòi nợ thì ông H có hẹn khi bán được đất sẽ trả 100.000.000 đồng và khi ông V nhắn tin yêu cầu trả lãi thì ông H hẹn trả vào ngày 07/10. Tính đến ngày ông V đòi nợ và ông H hẹn trả nợ thì ông H đã biết và thống nhất trả nợ cho ông V; ông H cho rằng vợ chồng đã ly hôn nên không chịu trách nhiệm trả nợ là không phù hợp. Mặt khác, tại phiên tòa ông H cũng trình bày toàn bộ các khoản tiền ông H nhận được từ việc vay ngân hàng, vay người dân bên ngoài và tiền lương ông H đều giao cho bà T quản lý và chi trả các khoản nợ, tiền lãi vợ chồng đã vay và chi tiêu sinh hoạt gia đình; ông H không chứng minh được bà T sử dụng khoản vay vào việc riêng nên đây là khoản nợ chung của ông H và bà T theo quy định tại Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy ông H có trách nhiệm liên đới cùng với bà T thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Điều 288 của Bộ luật Dân sự. Do bà T và ông H không thỏa thuận nghĩa vụ theo phần nên mỗi người phải trả $\frac{1}{2}$ khoản nợ là 58.000.000 đồng.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng

dân sự; Điều 288; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Minh V. Buộc bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Minh H phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông Huỳnh Minh V và bà Lê Thị S 116.000.000 (*một trăm mười sáu triệu*) đồng, trong đó bà T và ông H mỗi người phải trả 58.000.000 (*năm mươi tám triệu*) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 0,83%/tháng.

2. Về án phí: buộc bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Minh H mỗi người phải chịu 2.900.000 (*hai triệu chín trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Huỳnh Minh V 3.129.000 (*ba triệu một trăm hai mươi chín nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003224 ngày 31 tháng 12 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'lấp;
- Chi cục THA.DS huyện Đắk R'lấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký tên và đóng dấu*)

Vũ Văn Tuấn

